

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

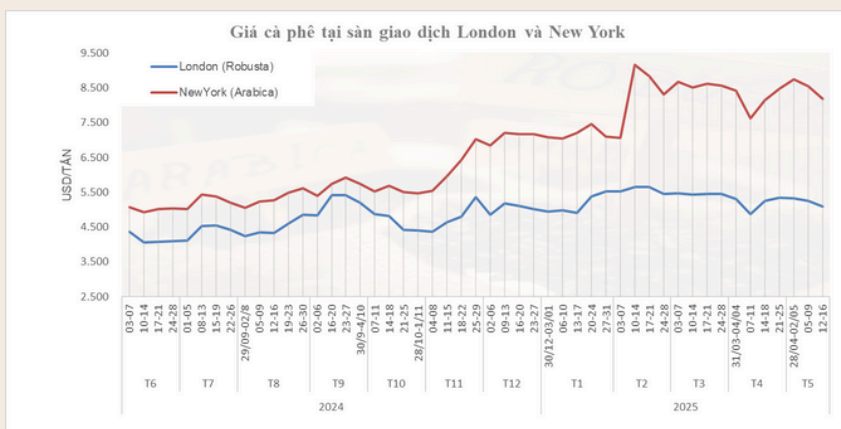
www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê trên hai sàn giao dịch London và sàn giao dịch New York có xu hướng giảm do lo ngại tiêu thụ cà phê toàn cầu chậm lại.
- Xuất khẩu cà phê thế giới tháng 3/2025 đạt 13,02 triệu bao, tăng 0,65 % so với cùng kỳ năm trước.
- Sản lượng cà phê Arabica của El Salvador trong niên vụ 2024/2025 giảm 16,27%, xuống còn 561.000 bao. Sự sụt giảm này chủ yếu do điều kiện thời tiết bất lợi vào tháng 12/2024.
- Sản lượng cà phê niên vụ từ tháng 2025/2026 của Brazil ước tăng 2,30 %, lên mức 55 triệu bao.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI GIẢM

Trong tuần 12/05/2025 đến 16/05/2025, giá cà phê thế giới giảm so với tuần trước trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2025 tại thị trường London đạt 5.093 USD/tấn, giảm 3% so với tuần trước và tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.239 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.980 USD/tấn. [1] Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2025 bình quân đạt 8.178 USD/tấn, giảm 4,3% so với mức giá tuần trước, và tăng 85% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.297 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.042 USD/tấn.[1]

Giá cà phê lao dốc do áp lực chốt lời từ các quỹ đầu cơ, cùng với lo ngại tiêu thụ toàn cầu chậm lại. Đồng USD tăng giá khiến chi phí nhập khẩu gia tăng, tác động tiêu cực đến nhu cầu mua vào của các nước tiêu thụ lớn.[2]

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TOÀN CẦU THÁNG 3/2025

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) vừa công bố Báo cáo tháng 3 năm 2025, theo đó khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 3 đạt 13,02 triệu bao, tăng 0,65 % so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này đã góp phần làm cho tổng khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu lũy kế sáu tháng đầu niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025) đạt 67,73 triệu bao, giảm 2,10 % so với cùng kỳ niên vụ trước. [3]

Khu vực châu Á ghi nhận mức tăng xuất khẩu 6,10 % so với cùng tháng năm trước, đạt 4,56 triệu bao, chủ

yếu nhờ lượng xuất khẩu từ Indonesia tăng mạnh 125,40 % trong tháng 3, lên 860 000 bao. Việt Nam và Ấn Độ cũng đóng góp vào xu hướng tăng chung của toàn vùng.[3]

Xuất khẩu từ châu Phi tăng 36,30 % so với cùng kỳ, lên 1,58 triệu bao. Ngược lại, khu vực Nam Mỹ giảm 15,90 % trong tháng 3, chỉ đạt 4,64 triệu bao. Brazil – nguồn xuất khẩu chính của khu vực – giảm 15,90 %.

ICO vẫn chưa công bố ước tính niên vụ cà phê 2024/2025 (từ 10/2024 đến 9/2025), nhưng đã tái khẳng định rằng nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ 2023/2024 đạt 178,00 triệu bao.[3]



EL SALVADOR

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) điều chỉnh ước tính sản lượng cà phê Arabica rửa sạch chất lượng cao (fine washed Arabica) của El Salvador trong niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) giảm 16,27%, xuống còn 561.000 bao. Sự sụt giảm này chủ yếu do điều kiện thời tiết bất lợi vào tháng 12/2024, khi mưa lớn gây rụng quả hàng loạt ở giai đoạn chín rộ và làm khô phần quả còn lại trên cây, dẫn đến giảm cả năng suất và chất lượng hạt. [4]

Về sản lượng cà phê El Salvador trong niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026) ước tăng nhẹ 6,42%, đạt khoảng 597.000 bao; trong đó, dự kiến 553.000 bao sẽ được xuất khẩu ra thị trường tiêu thụ. Lượng tồn kho chuyển tiếp (carryover stocks) từ niên vụ 2024/2025 sang niên vụ 2025/2026 ước tính ở mức cao tương đối, khoảng 45.000 bao, do các nhà sản xuất có xu hướng giữ lại một phần hàng dự trữ, chờ giá bán tăng. Vụ thu hoạch cà phê mới thường bắt đầu vào khoảng tháng 10 hàng năm ở vùng thấp, sau đó mở rộng lên các vùng cao hơn khi nhiệt độ hạ dần về cuối năm. [4]

Đồng thời, USDA cũng điều chỉnh ước tính tiêu thụ nội địa cà phê của El Salvador trong niên vụ hiện hành tăng 6,90%, lên tổng cộng 310.000 bao, chủ yếu bao gồm cà phê hoà tan nhập khẩu từ các nước sản xuất Trung Mỹ lân cận. [4]

BRAZIL

Cơ quan Thống kê Quốc gia Brazil (IBGE) vừa công bố điều chỉnh ước tính sản lượng cà phê niên vụ từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026 tăng 2,30 %, lên mức 55 triệu bao. Trong đó, dự báo sản lượng cà phê Arabica đạt 37 triệu bao và Robusta Conilon đạt 18 triệu bao. IBGE thường duy trì quan điểm thận trọng trong các con số của mình, do vậy mức ước tính này được xem là nằm ở ngưỡng thấp so với hàng loạt khảo sát độc lập trong và ngoài nước, đa số đưa ra mức trung bình khoảng 64,50 triệu bao cho cùng niên vụ. [5]

Theo Safras & Mercado, đến ngày 15/5/2025, gần 7 % sản lượng cà phê niên vụ mới của Brazil đã được thu hoạch, trong khi bình quân 5 năm gần nhất là khoảng 10 %. [5]



ẤN ĐỘ

Theo ước tính của USDA, sản lượng cà phê Ấn Độ niên vụ 2025/26 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026) sẽ giảm từ 6,20 triệu bao xuống còn khoảng 6,00 triệu bao (mỗi bao 60 kg). Nguyên nhân chính là tác động bất lợi của thời tiết, với các đợt khô hạn kéo dài trong mùa đông và mưa lớn trước mùa gió mùa đã làm gián đoạn quá trình ra hoa, đậu trái, dẫn đến năng suất Arabica và Robusta giảm đáng kể. [6]

Tiêu thụ nội địa được dự báo tăng lên 1,40 triệu bao, chủ yếu do nhu cầu cà phê hòa tan phát triển mạnh. Hiện cà phê hòa tan chiếm khoảng 70 % tổng mức tiêu thụ trong nước. Giá thu mua tại vườn (farmgate) đã tăng 51 % đối với Arabica parchment và 17 % đối với Robusta cherry so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự thắt chặt nguồn cung và tồn kho thấp. [6]

Về xuất khẩu, Ấn Độ dự kiến xuất đi 5,99 triệu bao niên vụ tới, bao gồm 3,56 triệu bao cà phê xanh và 2,42 triệu bao cà phê hòa tan. Các thị trường nhập khẩu chủ lực là Ý, Đức, UAE và Nga. Lượng xuất khẩu giai đoạn tháng 10–1 giảm khoảng 5 % do giá cao và biên lợi nhuận thu hẹp, tuy nhiên nhu cầu

Robusta toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao. [6]

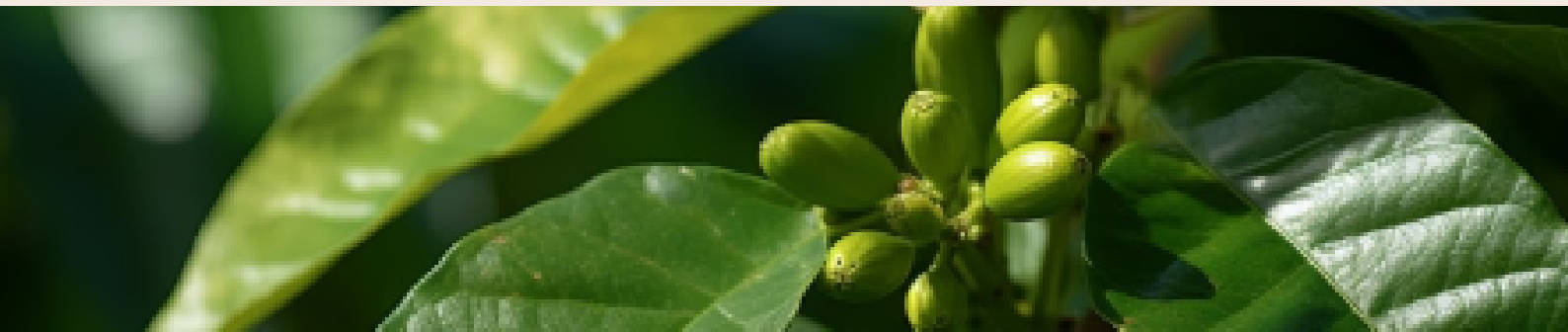
Diện tích gieo trồng ổn định ở 475 nghìn ha, diện tích thu hoạch 432 nghìn ha, giảm nhẹ 0,5 % chủ yếu ở cả Arabica và Robusta. Ba bang Karnataka, Kerala và Tamil Nadu chiếm 77 % tổng diện tích, trong khi một số vùng phụ như Andhra Pradesh, Odisha và Đông Bắc có mở rộng nhỏ lẻ. [6]

ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP TÁI TẠO TRONG NGÀNH CÀ PHÊ

Tổ chức phi lợi nhuận TechnoServe (Hoa Kỳ) vừa công bố báo cáo “The Regenerative Coffee Investment Case”, với sự hỗ trợ nghiên cứu của Nestlé, Nespresso, JDE Peet’s và Rudy & Alice Ramsey Foundation. [7]

Mô hình cho thấy chuyển đổi sang canh tác tái tạo có thể làm tăng thu nhập bình quân của nông dân nhỏ lẻ thêm 62 %, đồng thời gia tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu khoảng 30 %. Về môi trường, phương pháp này ước giảm 3,5 triệu tấn CO₂ tương đương khí nhà kính mỗi năm, đồng thời phục hồi và bảo vệ đa dạng sinh học tại vùng trồng. [7]

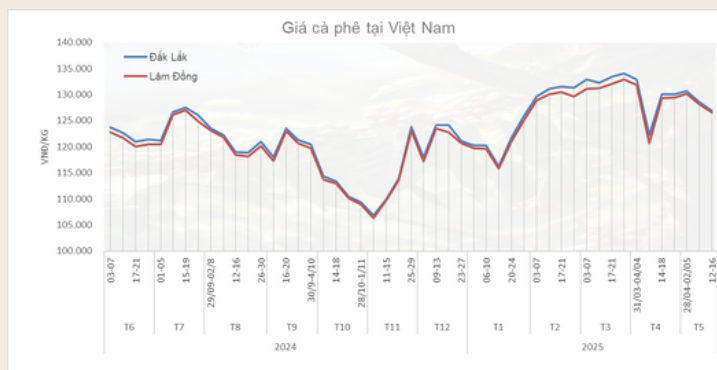




DIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước giảm so với tuần trước.
- Tháng tháng 4/2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 166.606 tấn với kim ngạch thu về hơn 965,8 triệu USD, tăng 11% về lượng và tăng 68,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.
- Xuất khẩu cà phê trong năm 2025 có thể vượt mốc 6 tỷ USD, với sản lượng khoảng 1,7-1,8 triệu tấn.
- Đắk Nông đang tích cực triển khai các giải pháp để chứng minh sản phẩm cà phê không liên quan đến phá rừng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 12/05/2025 đến 16/05/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 126.900 VNĐ/kg, giảm 1,3% so với tuần trước, và tăng 25,8% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 128.433 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 125.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 126.200 VNĐ/kg, giảm 1,2% so với tuần trước, và tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 128.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 125.500VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ 4 THÁNG NĂM 2025.

Theo số liệu từ Cục Hải quan, trong tháng 4, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 166.606 tấn với kim ngạch thu về hơn 965,8 triệu USD, tăng 11% về lượng và tăng mạnh 68,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. [2]

Tính chung 4 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 665.889 tấn cà phê các loại, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, kim ngạch thu về vẫn tăng mạnh 51,8% lên mức kỷ lục 3,8 tỷ USD, do giá xuất khẩu bình quân tăng tới 67,6%, đạt 5.700 USD/tấn.

Trong 4 tháng đầu năm, năm thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam bao gồm: Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga và Algeria. Trong đó, EU tiếp tục dẫn đầu với khối lượng đạt 301.622 tấn, kim ngạch 1,7 tỷ USD, tăng nhẹ 0,2% về lượng và tăng mạnh 69,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, chiếm 45,3% về lượng và 44,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. [2]

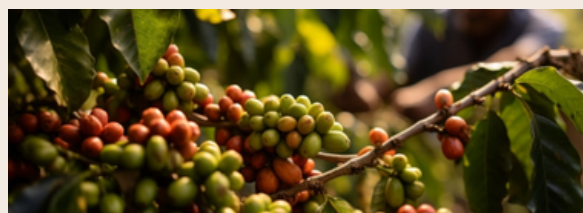
Theo dự báo của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), xuất khẩu cà phê của Việt Nam ngắn hạn sẽ tiếp tục tăng trưởng, cùng

với việc Hoa Kỳ hoãn thực thi thuế đối ứng đối với hầu hết đối tác, thúc đẩy các nhà nhập khẩu tăng mua vào trước khi thuế quan mới có hiệu lực. [2]

Trong dài hạn, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ gặp khó khăn khi nguồn cung trong nước đang giảm dần khi vào cuối vụ thu hoạch, áp lực từ vụ thu hoạch mới của Brazil sắp diễn ra và chính sách thuế quan mới. [2]

NGUỒN CUNG CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM

Hiện tại nguồn cung Việt Nam, lượng cà phê trong dân không còn nhiều, chỉ khoảng 15%. Người dân chủ yếu bán ra một cách dè dặt, không ồ ạt. Theo các chuyên gia, về cơ bản, nguồn cung cà phê năm nay không đủ đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, do tình hình địa chính trị toàn cầu vẫn còn phức tạp, các khách hàng nhập khẩu hiện không còn xu hướng mua tích trữ như trước mà chuyển sang chiến lược mua vừa đủ theo nhu cầu thực tế, nhằm giảm thiểu rủi ro. [3]



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

NGÀNH CÀ PHÊ HƯỚNG TỚI XUẤT KHẨU 1,8 TRIỆU TẤN TRONG NĂM 2025

Theo ông Trịnh Đức Minh - Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột, mục tiêu xuất khẩu cà phê trong năm nay có thể vượt mốc 6 tỷ USD, với sản lượng khoảng 1,7-1,8 triệu tấn. Liên minh châu Âu tiếp tục duy trì vị thế là thị trường trọng điểm, trong đó Đức chiếm 11 %, Italia 8,1 % và Tây Ban Nha 8 % tổng lượng nhập khẩu cà phê Việt Nam. [4]

Tỷ lệ chế biến sâu của cà phê trong nước mới đạt khoảng 10 %, với giá trị trung bình 6 000 USD/tấn, thấp hơn đáng kể so với tiềm năng. Mặc dù đã phát triển một số sản phẩm cà phê đặc sản có giá bán gấp 1,5–2 lần mặt bằng thế giới, cơ chế sản xuất nhỏ lẻ—90 % sản lượng do các hộ nông dân thu hoạch 3–5 tấn/năm—và nhu cầu nội địa chỉ chiếm 5–10 % tổng sản lượng đã hạn chế đầu tư vào nhà máy chế biến công suất lớn. [4]

Để gia tăng giá trị gia tăng, các chuyên gia đề xuất tái cơ cấu sản xuất theo mô hình vùng nguyên liệu đạt chuẩn bền vững và tín chỉ carbon, đồng thời nâng tỷ lệ chế biến sâu lên 40–45 %. [4]

Doanh nghiệp vi phạm có thể bị phạt tới 4% doanh thu và bị loại khỏi thị trường EU. Tuy nhiên, EU đã gia hạn thực thi EUDR thêm 12 tháng, lùi thời điểm áp dụng với doanh nghiệp lớn tới 30/12/2025 và doanh nghiệp nhỏ tới 30/6/2026, tạo cơ hội để các doanh nghiệp chuẩn bị. [4]

ĐẮK NÔNG

Trước yêu cầu của thị trường châu Âu về sản phẩm nông sản không gây mất rừng (EUDR), Đắk Nông đã triển khai nhiều biện pháp để chứng minh sản phẩm cà phê của tỉnh không liên quan đến phá rừng. Tỉnh đã xác lập tọa độ vùng trồng, xây dựng cơ sở dữ liệu, tổ chức hội thảo chuyên đề và thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đến từng vườn cây. Đến nay, Đắk Nông đã xây dựng 25 mô hình liên kết sản xuất với 13.300 ha cà phê, áp dụng truy xuất nguồn gốc và quy trình canh tác bền vững. [5]

Dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tỉnh vẫn đối mặt với thách thức như thiếu dữ liệu đầy đủ về rừng và vùng trồng, cũng như khó khăn trong áp dụng công nghệ. [5]



GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	128.000	125.500	128.000	125.700	125.900	126.620	-1.560
Dì Linh	128.000	125.500	128.000	125.700	125.900	126.620	-1.560
Lâm Hà	128.000	125.500	128.000	125.700	125.900	126.620	-1.560
Bảo Lộc	128.000	125.500	128.000	125.700	125.900	126.620	-1.560
ĐẮK LẮK	128.000	126.000	128.433	125.933	126.133	126.900	-1.653
Cư M'gar	128.000	126.000	128.500	126.000	126.200	126.940	-1.680
Ea H'leo	128.000	126.000	128.400	125.900	126.100	126.880	-1.640
Buôn Hồ	128.000	126.000	128.400	125.900	126.100	126.880	-1.640
ĐẮK NÔNG	128.000	126.000	128.450	126.150	126.150	126.950	-1.760
Gia Nghĩa	128.000	126.000	128.500	126.200	126.200	126.980	-1.780
Đắk R'lấp	128.000	126.000	128.400	126.100	126.100	126.920	-1.740
GIA LAI	128.000	125.733	128.333	125.933	126.133	126.827	-1.667
Chư Prông	128.000	125.800	128.400	126.000	126.200	126.880	-1.680
Pleiku	128.000	125.700	128.300	125.900	126.100	126.800	-1.660
La Grai	128.000	125.700	128.300	125.900	126.100	126.800	-1.660
KON TUM	128.000	125.800	128.400	125.900	126.200	126.860	-1.600
Đắk Hà	128.000	125.800	128.400	125.900	126.200	126.860	-1.600

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: laodong.vn
- [3]: ico.org
- [4]: USDA
- [5]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](http://I. & M. Smith (Pty) Ltd.)
- [6]: dailycoffeenews.com
- [7]: technoserve.org

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: Doanh Nghiệp & Kinh Doanh
- [3]: vinanet.vn
- [4]: doanhnghieptiepthi.vn
- [5]: Báo Đắk Nông



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả